

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ MỚI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10-12/QĐ-CHCT

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

v/v thành lập Ban chỉ huy công trình

- Căn cứ quyết định số: 206/QĐ-TCCB ngày 25 tháng 9 năm 1995 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ, trực thuộc trường Đại học Mỏ - Địa chất.

- Căn cứ theo Hợp đồng kinh tế số: 0312/2021/HĐKT ký ngày 09 tháng 12 năm 2021 giữa Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ với Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ về việc Đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 trên địa bàn xã Ia Ga, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai

- Căn cứ vào yêu cầu của công việc

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Giao nhiệm vụ cho các Ông (Bà) có tên sau đây theo dõi chỉ đạo, giám sát, thi công, nghiệm thu, ký các văn bản kỹ thuật tại hiện trường công trình thi công gói thầu số: 0312/2021/HĐKT ký ngày 09/12/2021.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số điện thoại
1	Lê Đức Tĩnh	Chủ trì công trình	0912296180
2	Võ Ngọc Dũng	Tổ trưởng	0983594469
3	Trần Thùy Linh	Tổ trưởng	0989973769
4	Trần Anh Dũng	Tổ trưởng	0902131020
5	Tạ Thị Thu Hường	Tổ trưởng	0985311725

ĐIỀU 2: Các Ông có tên trong danh sách trên và các phòng Ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi gửi:

- Như điều 2
- Lưu Trung tâm

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 0312/2021/HĐKT

Về việc: "Đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 trên địa bàn xã Ia Ga, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai".

- Căn cứ Luật Dân sự số: 91/2015/QH11 được Quốc Hội thông qua ngày 24/11/2015;

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ và năng lực của Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa - Bản đồ.

Hôm nay, ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY TNHH MTV TRẮC ĐỊA BẢN ĐỒ

Địa chỉ : 02/198 Trần Cung, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (024) 37558003 Fax: (024) 37558093

Đại diện bởi : Ông NGUYỄN MINH ĐỨC Chức vụ: Phó Giám đốc

(Giấy ủy quyền số 1519/QĐ-CTy ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Công ty về việc ủy quyền ký kết các Hợp đồng kinh tế).

Tài khoản : 0511100028004 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội-Chi nhánh Điện Biên phủ, thành phố Hà Nội.

Mã số thuế : 0100107211

BÊN B: TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI TRẮC ĐỊA - BẢN ĐỒ

Địa chỉ : Trường Đại học Mỏ-Địa chất, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024.37523819 Fax : 024.37523819

Tài khoản : 3100 211 000 206 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam chi nhánh Từ Liêm, Hà Nội.

Mã số thuế : 0100811629

Đại diện bởi : Trần Khánh Chức vụ: Giám đốc

Trên cơ sở đàm phán, thương lượng các bên đồng ý ký kết Hợp đồng kinh tế với nội dung và điều khoản như sau:

Điều 1: Nội dung và khối lượng công việc:

Bên A giao và bên B nhận thực hiện “Đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 trên địa bàn xã Ia Ga, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai” với khối lượng cụ thể như sau:

- **Đo vẽ BĐDC 1/2.000 (KV 0,5): 832,05 ha, trong đó:**
 - + Thửa đất: 784,00 ha
 - + Hệ thống giao thông, thủy hệ: 48,05 ha
- **Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000:**
 - + Trường hợp biến động trên 40% (KV 0,5): 823,60 ha

Điều 2: Thời hạn thực hiện công việc nêu tại điều 1: Kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31/12/2022.

Trong đó:

- Hoàn thành công đoạn đo đạc, chỉnh lý bản đồ đến tháng: **6/2022** theo tiến độ hai bên đã thống nhất trong hợp đồng.

Điều 3: Yêu cầu kỹ thuật, sản phẩm giao nộp:

- Bên B thực hiện các nội dung công việc của Hợp đồng này theo đúng phương án thi công được Bên A phê duyệt và các quy định hiện hành của nhà nước và của địa phương.

- Sản phẩm giao nộp cho Bên A theo từng công đoạn thực hiện, được cơ quan kiểm tra nghiệm thu và Chủ đầu tư đánh giá đạt yêu cầu. Sản phẩm phải được nhân bộ, sắp xếp, đóng gói đầy đủ theo mẫu quy định, thành phần sản phẩm giao nộp theo **phụ lục 1** kèm theo Hợp đồng này.

Điều 4: Giá trị Hợp đồng:

Tổng giá trị Hợp đồng đã bao gồm thuế VAT là: **2.475.220.000 đồng**

Số tiền bằng chữ: *Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi năm triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng (có phụ lục 2 kèm theo hợp đồng).*

Giá trị trên là giá trị tạm tính theo khối lượng dự toán với đơn giá cố định. Giá trị thanh quyết toán sẽ được tính trên khối lượng thực hiện được Bên A nghiệm thu, thanh toán.

Điều 5: Phương thức - thời hạn thanh toán:

- Sau khi ký Hợp đồng Bên A sẽ tạm ứng cho bên B với khoản tiền tạm ứng tối đa là 50% giá trị Hợp đồng theo kế hoạch vốn được chủ đầu tư cung cấp cho bên A.

- Thanh toán tạm ứng: giá trị tạm ứng (nếu có) ưu tiên giảm trừ dần tại các lần thanh toán.

- Thanh toán: Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành hai bên lập biên bản xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành, sau khi bên B cung cấp đầy đủ hóa đơn chứng từ cho bên A, bên A sẽ thanh toán cho bên B.

- Khi khối lượng thực hiện có sự thay đổi trên 5% so với Hợp đồng, sau khi bên A được chủ đầu tư nghiệm thu khối lượng thì hai Bên tiến hành lập phụ lục bổ sung Hợp đồng.

- Giá trị thanh lý và quyết toán cho bên B được xác định trên cơ sở khối lượng công việc thi công thực tế và giá trị nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành bên A được Chủ đầu tư nghiệm thu.

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

Điều 6: Trách nhiệm của bên A:

1. Chịu chi phí hội, họp từ cấp huyện;
2. Cung cấp các tài liệu cần thiết;
3. Thanh toán đúng giá trị nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và đúng thời hạn.
4. Cử cán bộ hỗ trợ bên B trong công tác kiểm tra nghiệm thu với chủ đầu tư.

Điều 7: Trách nhiệm bên B:

1. Chịu chi phí hội, họp cấp xã.
2. Cung cấp toàn bộ danh sách nhân sự tham gia thực hiện Hợp đồng cho bên A, lập phương án thi công trình bên A phê duyệt.
3. Thực hiện đúng quy trình, quy phạm, đạt các thông số kỹ thuật của thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt.
4. Thực hiện đúng quy trình quy định và yêu cầu của bên A đưa ra. Trong thời gian thi công phải đảm bảo nhân lực và tiến độ thực hiện như đã xây dựng trong phương án thi công.
5. Giao nộp các sản phẩm đúng yêu cầu, đúng thời hạn theo quy định trong thiết kế kỹ thuật đã được phê duyệt. Chịu trách nhiệm phục vụ kiểm tra nghiệm thu các cấp (cấp đơn vị thi công, cấp tư vấn giám sát, cấp chủ đầu tư) đối với những sản phẩm do mình thực hiện theo Hợp đồng.
6. Quan hệ với chính quyền địa phương trong công tác triển khai đo đạc, chi trả tiền dẫn đạc, chi trả các chi phí phối hợp liên quan đến công tác đăng ký theo qui định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.
7. Định kỳ vào ngày 20 hàng tháng, bên B lập và gửi về bên A báo cáo khối lượng công việc đã thực hiện được và kế hoạch công việc thực hiện của tháng tiếp theo (theo mẫu bên A cấp).

Điều 8: Xử phạt, chấm dứt Hợp đồng:

Bên A có thể đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải bồi hoàn bất cứ khoản chi phí nào cho bên B nếu bên B có vi phạm Hợp đồng ở một trong các

trường hợp như sau:

1. Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong Hợp đồng hoặc thực hiện công việc không theo đúng yêu cầu kỹ thuật của bên A.

2. Bên B thực hiện công việc chậm tiến độ hoặc vi phạm các điều khoản của Hợp đồng đã bị bên A nhắc nhở đến lần thứ 3 bằng văn bản.

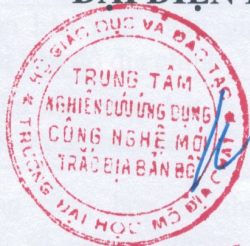
3. Bên B có dấu hiệu vi phạm quy định pháp luật, bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và kiến nghị cơ quan thanh tra, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết.

Điều 9: Điều khoản thi hành:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký, hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì hai bên tự bàn bạc giải quyết. Trong trường hợp các bên không đạt được sự thỏa thuận chung thì các vướng mắc, mâu thuẫn,... sẽ được đưa ra trước Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại Hà Nội để giải quyết.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

TS. Trần Khánh

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Minh Đức

PHỤ LỤC 1: SẢN PHẨM GIAO NỘP THEO HỢP ĐỒNG
(Kèm theo hợp đồng kinh tế số: 0312/2021/HĐKT ngày 09/12/2021)

1. Giao nộp sản phẩm công đoạn đo đạc bản đồ địa chính:

STT	Danh mục tài liệu	Số lượng	Sản phẩm giao nộp tại			Ghi chú
			UBND cấp xã	Chi nhánh VPĐKĐĐ	Sở TNMT	
1	Sổ kiểm nghiệm máy đo	01 bộ			1	
2	Các loại sổ đo, các tài liệu liên quan	01 bộ			1	
3	Tài liệu lưới khống chế đo vẽ	02 bộ		1	1	
4	Sổ điều tra dã ngoại	02 bộ		1	1	
5	Số liệu đo chi tiết	01 bộ			1	
6	Bản đồ địa chính dạng giấy và số	03 bộ	1	1	1	
7	Sổ mục kê dạng giấy và dạng số	03 bộ	1	1	1	
8	Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất	02 bộ		1	1	
9	Biên bản xác nhận thể hiện địa giới hành chính.	03 bộ	1	1	1	
10	Biên bản xác nhận việc công khai bản đồ địa chính	03 bộ	1	1	1	
11	Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất	02 bộ		1	1	
12	Bảng tổng hợp số thửa, diện tích, số chủ sử dụng, quản lý trong đơn vị hành chính theo hiện trạng đo vẽ bản đồ địa chính	03 bộ	1	1	1	
13	Bảng thống kê diện tích đất đai theo hiện trạng đo đạc thành lập bản đồ địa chính	03 bộ	1	1	1	
14	File dữ liệu không gian đất đai nền và dữ liệu không gian địa chính của khu đo (dạng shape file)	01 bộ			1	
15	Biên bản bàn giao sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính	03 bộ	1	1	1	
16	Hồ sơ kiểm tra nghiệm thu công trình	03 bộ			3	
17	Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).	01 bộ			1	
18	Đĩa từ ghi số liệu đo chi tiết, các tài liệu, thành quả tính toán và các sơ đồ có nộp kèm file trên.	03 bộ			3	

PHỤ LỤC 2: BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG CHI TIẾT XÃ IA GA
(Kèm theo hợp đồng kinh tế số: 0312/2021/HĐKT ngày 09/12/2021)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung công việc	ĐVT	Khó khăn	Khối lượng	Đơn giá HĐ	Thành tiền HĐ
I	ĐO ĐẠC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH					2.250.200.134
a	Đo vẽ bản đồ địa chính	ha				1.107.630.643
a.1	Đo vẽ BĐĐC 1/2000 (KV 0,5)	ha	1		-	1.107.630.643
1	Ngoại nghiệp	ha	1	832,05	-	877.385.944
-	Thừa đất	ha	1	784,00	1.098.910	861.545.166
-	Hệ thống giao thông, thủy hệ	ha	1	48,05	329.673	15.840.778
2	Nội nghiệp	ha	1	832,05	-	230.244.699
-	Thừa đất	ha	1	784,00	288.377	226.087.764
-	Hệ thống giao thông, thủy hệ	ha	1	48,05	86.513	4.156.935
b	Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính					1.142.569.491
b.1	Tỷ lệ 1/2000					1.142.569.491
1	Trường hợp biến động trên 40% (KV 0,5)					1.142.569.491
-	Ngoại nghiệp	Ha	1	823,60	1.098.910	905.061.988
-	Nội nghiệp	Ha	1	823,60	288.377	237.507.503
A	CHI PHÍ TRONG ĐƠN GIÁ (I)					2.250.200.134
B	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (10%C)					225.020.013
	TỔNG DỰ TOÁN (A+B)					2.475.220.147
	LÀM TRÒN					2.475.220.000

(Bảng chữ: Hai tỷ, bốn trăm bảy mươi năm triệu, hai trăm hai mươi nghìn đồng)/.

Phụ lục 03.a

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số: 08/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính)

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 03/12/2021/HDKT ngày 09/12/2021 về việc: Do đặc, chính lý, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 trên địa bàn xã Ia Ca, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai

Đại diện Bên A: Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

Đại diện Bên B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ

Thanh toán lần thứ: 01;

Căn cứ xác định: Hồ sơ nghiệm thu công đoạn đo đạc, chính lý biến động bản đồ địa chính

Biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công trình, sản phẩm ngày 28/12/2021

Đơn vị: đồng

STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Số khối	Khối lượng			Đơn giá thanh toán		Thành tiền (đồng)			Ghi chú	
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	Theo hợp đồng	Đơn giá bổ sung (nếu có)	Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=4*8)	(11=5*8)	(12=6*8)	(13=7*8)	(14)
1	Đo đạc, chính lý BĐDC Tỷ lệ 1/2.000								2.250.200.134		1.448.617.866	1.448.617.866	
1	Đo đạc bản đồ địa chính theo Ha								1.107.630.643		706.467.036	706.467.036	
	Đo đạc Thửa đất								1.087.632.930		706.467.036	706.467.036	
	Ngoại nghiệp	Ha	1	784,00	642,88	642,88	1.098.910		861.545.166		706.467.036	706.467.036	
	Nội nghiệp	Ha	1	784,00			288.377		226.087.764				
	Đo đạc Hệ thống giao thông, thủy hệ								19.997.713				
	Ngoại nghiệp	Ha	2	48,05			329.673		15.840.778				
	Nội nghiệp	Ha	2	48,05			86.513		4.156.935				
2	Chính lý biến động bản đồ địa chính								1.142.569.491		742.150.830	742.150.830	
	Ngoại nghiệp	Ha	1	823,6			1.098.910		905.061.988		742.150.830	742.150.830	
	Nội nghiệp	Ha	1	823,6			288.377		237.507.503				
	CỘNG (1+2)								2.250.200.134		1.448.617.866	1.448.617.866	
	Ngoại nghiệp								920.902.766		742.150.830	742.150.830	
	Nội nghiệp								241.664.438				
A	Tổng chi phí (1)								2.250.200.134		1.448.617.866	1.448.617.866	
B	Thu nhập chịu thuế tính trước												
C	Tổng giá trị trước thuế A	5,5%											
B	Thuế giá trị gia tăng VAT (A x 10%)	10%							225.020.013		144.861.787	144.861.787	
C	Tổng giá trị sau thuế (B+C)								2.475.220.147		1.593.479.652	1.593.479.652	
D	TỔNG CỘNG LÀM TRÒN								2.475.220.000		1.593.480.000	1.593.480.000	
	Giá trị Hợp đồng:								2.475.220.000 đồng				
	Giá trị tạm ứng theo Hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:												
	Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:												



STT	Hạng mục	Đơn vị tính	Kho khăn	Khối lượng			Đơn giá thanh toán			Thành tiền (đồng)			Chị chú
				Theo hợp đồng	Thực hiện		Theo hợp đồng	Đơn giá bỏ sung (nếu có)	Theo Hợp đồng	Thực hiện			
					Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này				Lũy kế đến hết kỳ này	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ này	

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị để nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ:

7. Lũy kế giá trị thanh toán:

1.593.480.000 đồng

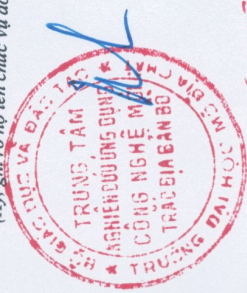
0 đồng

1.593.480.000 đồng

1.593.480.000 đồng

(Một tỷ, năm trăm chín mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi mốt ngàn đồng)./.

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ đóng dấu)



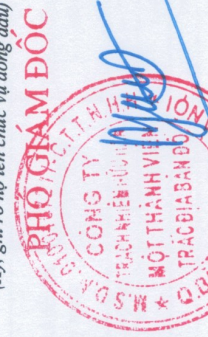
GIÁM ĐỐC

TS. Trần Khánh

Hà Nội, Ngày 28 tháng 12 năm 2021

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ đóng dấu)



Nguyễn Minh Đức



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU
CHẤT LƯỢNG, KHỐI LƯỢNG CÔNG TRÌNH, SẢN PHẨM**

Công đoạn: Đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 xã Ia Ga, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 0312/2021/HĐKT về việc “Đo đạc, chỉnh lý, lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 trên địa bàn xã Ia Ga, huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai”.

- Đại diện Bên A: Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ.
- Đại diện Bên B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ.

- Các bên tiến hành nghiệm thu:

Đại diện Bên A: Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ

- Ông: Nguyễn Minh Đức - Chức vụ: Phó Giám đốc;
- Ông: Phạm Trọng Hải - Chức vụ: Phó phòng KHTH;
- Ông: Nguyễn Đình Trừ - Chức vụ: PT Phó Giám đốc CNMT.

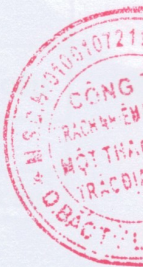
Đại diện Bên B: Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới Trắc địa Bản đồ

- Ông: Trần Khánh - Chức vụ: Giám đốc;
- Ông: Lê Đức Tình - Chức vụ: Cán bộ Kỹ thuật.

Các bên lập biên bản nghiệm thu chất lượng, khối lượng công đoạn đo đạc, lập bản đồ địa chính đến tháng 12/2021 như sau:

1. Công tác thi công hạng mục đo đạc, lập bản đồ địa chính:

- Bản đồ địa chính được thành lập theo Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; thiết kế kỹ thuật - dự toán đã được phê duyệt và các văn bản hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Bản đồ địa chính được thành lập theo công nghệ bản đồ số trên phần mềm gCadas, Microstation chuẩn của Bộ Tài nguyên và Môi trường; bản đồ địa chính dạng số phải đầy đủ các file hỗ trợ, các thửa đất trên bản đồ phải đầy đủ các thông tin về địa chỉ thửa đất, về người sử dụng đất, phân lớp và biên tập bản đồ phải tuân thủ theo đúng quy định kỹ thuật của Bộ Tài nguyên và Môi trường;



- Trước khi đo vẽ chi tiết phải xác định mốc giới thửa đất và lập Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, Biên bản xác nhận kết quả đo đạc địa chính để phục vụ công tác đăng ký đất đai, cấp giấy Chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai sau này theo quy định của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 và Thiết kế kỹ thuật - dự toán được phê duyệt và các quy định hướng dẫn của ngành Tài nguyên và Môi trường.

2. Các bên đã xem xét các văn bản và các sản phẩm sau đây

a) Các văn bản trong quá trình triển khai thi công công trình:

- Báo cáo tổng kết kỹ thuật của đơn vị thi công.

- Báo cáo kiểm tra, chất lượng khối lượng công trình sản phẩm của đơn vị

b) Khối lượng, loại khó khăn của hạng mục công việc đã kiểm tra tính đến 12/2021 như sau:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng Hợp đồng		Khối lượng nghiệm thu (đợt 1) đề nghị thanh toán		Chất lượng
			Mức KK	Khối lượng	Mức KK	Khối lượng	
1	Đo vẽ bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000:						
+	Ngoại nghiệp	Ha	1	832,05	1	642,88	Đạt yêu cầu
2	Chỉnh lý biến động bản đồ địa chính theo diện tích tỷ lệ 1/2.000:						
+	Ngoại nghiệp	Ha	1	823,60	1	675,35	Đạt yêu cầu

3. Trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu kiểm tra, nghiệm thu, các bên xác nhận những điểm sau đây:

a) Về thời gian thực hiện công trình:

Bắt đầu từ tháng 12/2021 đến tháng 12/2021.

b) Về khối lượng đã hoàn thành: *nêu cụ thể tên các hạng mục công việc nếu không thay đổi (như bảng tại mục 2.b)*

c) Về chất lượng: Đạt yêu cầu theo Thiết kế KT-DT đã được phê duyệt

d) Sản phẩm giao nộp: Sản phẩm được giao nộp sau khi hoàn thành toàn bộ công đoạn đo đạc, lập bản đồ địa chính.

d. Mức độ khó khăn: Tạm tính nghiệm thu mức khó khăn theo Hợp đồng đã được ký kết. Khi kết thúc công trình mức độ khó khăn được tính theo thực tế thi công.

- Khối lượng: Khối lượng thi công các bên thống nhất đề nghị thanh toán đảm bảo không vượt khối lượng của từng hạng mục tính chung theo Hợp đồng đã ký kết. Các nội dung phát sinh trong quá trình thực hiện, các bên có trách nhiệm tổng hợp trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt theo quy định.

e) Về những thay đổi trong quá trình thi công so với thiết kế: không.

4. Kết luận:

- Chấp nhận chất lượng, khối lượng công đoạn đo đạc, chỉnh lý biến động bản đồ địa chính theo diện tích tỷ lệ 1/2.000 đến tháng 12/2021;

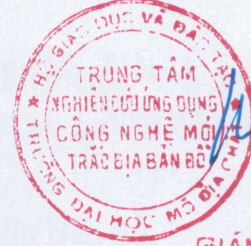
- Chấp nhận nghiệm thu mức khó khăn tạm tính theo Hợp đồng đã được ký kết./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Minh Đức

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

TS. Trần Khánh